TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Hội đồng xét xử sơ thẩm:* Bà Lê Thị Hồng Công - Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị T Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Minh N, sinh ngày:04/8/1987; Nơi cư trú: Tổ dân phố PT, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Vi Đạt Đ, sinh ngày: 24/12/1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố PT, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố LP, phường C O, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021 và bản tự khai ngày 23/11/2021, nguyên đơn bà Lê Thị Minh N trình bày:* Bà và ông Trần Vi Đạt Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 17/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông Đ không có trách nhiệm vợ con và không chăm lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông Đ nhiều lần xúc phạm bà. Nay bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung Trần Lê Chí K, sinh ngày: 02/6/2013 và Trần Lê Chí T, sinh ngày 07/9/2016. Bà yêu cầu được nuôi con chung Chí T; giao con chung Chí K cho ông Đ nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Đ không có.

* Tại bản tự khai ngày 24/11/2021, bị đơn ông Trần Vi Đạt Đ trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và kết hôn giữa ông và bà N đúng như bà N trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng nhiều lúc có cãi vã, mâu thuẫn. Hiện ông và bà N không còn chung sống với nhau nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung đúng như bà N trình bày. Ông đồng ý giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng, ông nuôi dưỡng cháu K và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn ông Đ; về con chung: Giao con chung Chí T cho bà N nuôi dưỡng, giao con chung Chí K cho ông Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung: Bà N và ông Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về nợ chung: Bà N và ông Đ không có nên không xét. Về án phí: Bà N phải nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 17/12/2012 (bản chính); Trích lục khai sinh của 02 con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên bà N (bản sao); Căn cước công dân dân mang tên bà N, anh Đ (bản sao); Đơn nguyện vọng con chung Chí K; Biên bản xác minh ngày 29/11/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 quyển số 01 ngày 17/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống; không tôn

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và hiện nay bà N và ông Đ không còn chung sống với nhau, bản thân bà N không còn tình cảm với ông Đ. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ, ông Đ không đồng ý ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 29/11/2021, chính quyền địa phương cung cấp: "Bà Lê Thị Minh N và ông Trần Vi Đạt Đ có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn của họ là gì thì chính quyền địa phương không biết." Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông Đ, bà N đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Đ có 02 con chung Trần Lê Chí K, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Lê Chí T, sinh ngày 07/9/2016. Bà N yêu cầu được nuôi con chung Chí T, giao con chung Chí K cho ông Đ nuôi dưỡng; ông Đ đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu T còn nhỏ (hơn 05 tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ; cháu K có nguyện vọng được sống cùng với bố. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung Chí T cho bà N nuôi dưỡng, giao con chung Chí K cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông Đ không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà N và ông Đ không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải nộp 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh N được ly hôn ông Trần Vi Đạt Đ.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị Minh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Lê Chí T, sinh ngày 07/9/2016.

Ông Trần Vi Đạt Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Lê Chí K, sinh ngày 02/6/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Minh N và ông Trần Vi Đạt Đ không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Minh N và ông Trần Vi Đạt Đ không có nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Minh N phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006637 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Bà Lê Thị Minh N, ông Trần Vi Đạt Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CP, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Công